

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Lương Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lương Đình T, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1984 tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 9, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đình Th và bà Lê Thị V; vợ: Trần Thị L và 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phạt tiền 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Bản án số 79/2006/HS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm, Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND huyện V, tỉnh Yên Bái về việc đưa đi cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; bị bắt tạm giam ngày 24/7/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Nguyễn Đ, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1982 tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; vợ: Dương Thị B (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 133/2018/HS-ST ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam ngày 24/7/2020, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn V và bà Đỗ Thị E

Trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (ngày 26/11/2020 ông V, bà E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 21/7/2020, Lương Đình T và Nguyễn Đ sau khi đi uống Methadone, trên đường trở về thị trấn M, huyện V, Nguyễn Đ hỏi Lương Đình T “Có chỗ nào đi chợ không? Dạo này đói quá”, Lương Đình T hiểu ý là có chỗ nào đi trộm cắp không, nên Lương Đình T nói là trước đây từng sửa nhà cho ông Nguyễn V, biết nhà ông V có nhiều tiền, biết chỗ để tiền và đường đi lối lại trong nhà. Về đến thị trấn M, Lương Đình T bàn với Nguyễn Đ kế hoạch trộm cắp, Lương Đình T nói mình tự chuẩn bị đồ đạc và sẽ trực tiếp vào trong nhà lấy tiền vì biết đường đi lối lại và dặn Nguyễn Đ đến khoảng nửa đêm sẽ qua nhà đón. Bàn bạc xong, cả hai trở về nhà, Lương Đình T chuẩn bị dụng cụ gồm 01 kìm cộng lực, 02 đoạn dây dù, 01 đôi găng tay và 01 túi nolon cho vào bao tải.

Khoảng 00 giờ 15 phút ngày 22 tháng 7 năm 2020, Lương Đình T đi xe mô tô của gia đình đến nhà Nguyễn Đ đón Đ. Sau đó, cả hai đi đến cổng phụ sân vận động huyện V, do cổng khóa nên đã để xe máy lại ngoài cổng và trèo qua hàng rào đi về phía nhà ông Nguyễn V, do tường cao nên Nguyễn Đ xuống để Lương Đình T trèo lên vai, nhưng bức tường vẫn cao hơn tầm tay của Lương Đình T, nên Nguyễn Đ dơ tay lên để Lương Đình T đặt chân lên bàn tay Nguyễn Đ, Lương Đình T bám tay vào mặt trên của bức tường trèo lên bức tường, rồi trèo tiếp lên mái tôn cạnh cửa sổ nhà ông Nguyễn V. Lúc này Nguyễn Đ ném cuộn dây dù lên, Lương Đình T bắt lấy và thả một đầu dây xuống để Nguyễn Đ buộc kìm cộng lực vào cho Lương Đình T kéo lên, Nguyễn Đ tiếp tục ném đôi găng tay cao su lên cho Lương Đình T để đeo vào tay. Sau đó, Lương Đình T dùng kìm cộng lực cắt song cửa sổ, rồi chui vào trong gác lửng tầng hai nhà ông Nguyễn V. Do đã biết vị trí trong nhà, nên Lương Đình T đi đến khi vực ổ cắm điện và rút nguồn điện của camera an ninh, rồi đi đến quầy bán hàng tại tầng một kéo ngăn trên của chiếc tủ gỗ. T lục tìm nhưng bên trong chỉ có tiền lẻ, T tiếp tục kéo ngăn trên ra và thò tay xuống dưới lấy hai chiếc ví da gồm một chiếc màu đỏ và một chiếc màu đen cho tất cả vào trong túi nolon mang theo. Sau khi lấy được tài sản, Lương Đình T ra ngoài theo đường cũ rồi cùng Nguyễn Đ trở về nhà Lương Đình T. Tại đây, Nguyễn Đức T bỏ toàn bộ tiền trong hai chiếc ví ra và lấy 3.000.000 (ba triệu) đồng để chi tiêu. Số tiền còn lại cả hai không kiểm đếm mà cho vào túi nolon đem chôn gần gốc cây hồng xiêm trong vườn của gia đình Lương Đình T. Sau đó,

Nguyễn Đ đi về và tiêu sài hết số tiền đã lấy.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên tiến hành khám xét tại nhà Lương Đình T đã thu giữ số tiền còn lại trong túi nilon là 151.616.000 (một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng, 02 dây dù, 01 kìm cộng lực, 01 bao tải xác rắn, 02 ví giả da và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave kèm theo chìa khóa xe.

Tại Bản kết luận giám định số 195/KLGD ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Yên Bái kết luận: Toàn bộ số tiền 151.616.000 (một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng gửi giám định đều là tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Ngày 11/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên đã trả lại số tiền 151.616.000 (một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số: 51/CT-VKS-VY ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái truy tố Lương Đình T và Nguyễn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Đình T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; xử phạt Nguyễn Đ từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 dây dù, 01 bao tải xác rắn, 02 ví giả da, 02 túi nilon, 01 hộp bìa cát tông và 01 kìm cộng lực; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

+ Bị cáo Lương Đình T: Biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

+ Bị cáo Nguyễn Đ: Biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện Văn Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 00 giờ 15 phút ngày 22 tháng 7 năm 2020, bị cáo Lương Đình T đi từ nhà ở của mình và mang theo 01 kim cộng lực, 02 đoạn dây dù, 01 đôi găng tay và 01 túi nolon cho vào bao tải đến nhà bị cáo Nguyễn Đ đón Đ, rồi cả hai cùng đi xe mô tô của gia đình Lương Đình T đến gia đình ông Nguyễn V, bà Đỗ Thị E thuộc tổ dân phố số 4, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái để trộm cắp tài sản. Lợi dụng đêm tối không có người qua lại và trong lúc gia đình ông Nguyễn V, bà Đỗ Thị E ngủ say, các bị cáo đã thực hiện hành vi nén lút chiếm đoạt số tiền 154.616.000 (một trăm năm mươi tư triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng trong 02 chiếc ví giả da để trong tủ gỗ tại tầng I nhà ở của gia đình ông V, bà E. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông V, bà E mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị coi là tội phạm, nhưng do bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và cần có tiền để chi tiêu cho bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu, đều đã từng bị kết án (Lương Đình T bị kết án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, Nguyễn Đ bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”) và đều là những đối tượng nghiện ma túy, bị cáo Lương Đình T đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc và bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm minh.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết sau: Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều có bố, mẹ là người có công với cách mạng (bố bị cáo Lương Đình T được tặng Huy chương kháng chiến; bố, mẹ bị cáo Nguyễn Đ được tặng Huân, Huy chương kháng chiến), đây được coi là tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo: Mặc dù các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất nhưng không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc thực hiện hành

vi phạm tội, nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đ là người khởi sướng việc phạm tội, còn Lương Đình T là người chủ động trong việc xác định địa điểm, tích cực chuẩn bị công cụ và trực tiếp là người thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải có hình phạt cao hơn so với bị cáo Nguyễn Đ.

[7] Xét tính chất mức độ, động cơ mục đích hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như việc răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn V và bà Đỗ Thị E đã nhận lại số tiền 151.616.000 (một trăm năm mươi một triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng trong tổng số tiền số tiền 154.616.000 (một trăm năm mươi tư triệu sáu trăm mười sáu nghìn) đồng bị các bị cáo chiếm đoạt, còn lại số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng bị cáo Nguyễn Đ đã chi tiêu không thu hồi được. Nhưng ông Nguyễn V và bà Đỗ Thị E không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S biển kiểm soát 21E1-112.18, các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Lương Đình T, chị Trần Thị L là vợ bị cáo Lương Đình T không biết bị cáo Thịnh đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Nên ngày 11 tháng 8 năm 2020 cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L là phù hợp.

+ Đối với 02 chiếc ví giả da, ông V, bà E xác định đã cũ không có giá trị, nên không yêu cầu trả lại và đề nghị tiêu hủy nên cần tiêu hủy.

+ Đối với 02 dây dù, 01 kìm cộng lực, 01 bao tải xác rắn, 02 ví giả da và 01 hộp bìa cát tông đã cũ và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo Lương Đình T và Nguyễn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Đình T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt

tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24 tháng 7 năm 2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 24 tháng 7 năm 2020.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) dây dù; 01 (một) chiếc kìm cộng lực; 01 (một) bao tải xác rắn; 02 (hai) ví giả da; 02 (hai) túi nilon và 01 (một) hộp bìa các tông (có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 10 ngày 20/11/2020 giữa Công an huyện Văn Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên).

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Lương Đình T và Nguyễn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THAHS Công an huyện Văn Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt Hà